BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16/2016/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2016*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2014/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định biểu trưng, cờ hiệu, cờ truyền thống, trang phục, mẫu thẻ Kiểm ngư và màu sơn tàu, xuồng Kiểm ngư

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 102/2012/NĐ-CP ngày 29/11/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Kiểm ngư;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2014/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2014 quy định biểu trưng, cờ hiệu, cờ truyền thống, trang phục, mẫu thẻ Kiểm ngư và màu sơn tàu, xuồng Kiểm ngư.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2014/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2014 quy định biểu trưng, cờ hiệu, cờ truyền thống, trang phục, mẫu thẻ Kiểm ngư và màu sơn tàu, xuồng Kiểm ngư.

1. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 5. Mẫu thẻ Kiểm ngư**

Thẻ Kiểm ngư có hình chữ nhật, chiều rộng 60 mm, chiều dài 90 mm, gồm hai mặt: Mặt trước nền màu đỏ, ở giữa có hình Quốc huy, phía trên có ghi Quốc hiệu Việt Nam bằng tiếng Việt và tiếng Anh, kiểu chữ in hoa đậm màu vàng; phía dưới có dòng chữ "THẺ KIỂM NGƯ" và dòng chữ tiếng Anh "FISHERIES SURVEILLANCE CARD" kiểu chữ in hoa đậm màu vàng; mặt sau là nền hoa văn trống đồng màu hồng tươi, ghi các thông tin về đối tượng được cấp thẻ, thời điểm cấp thẻ, thời hạn sử dụng thẻ, cơ quan cấp thẻ bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Mẫu thẻ Kiểm ngư theo Quy định tai Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này."

2. Sửa đổi điểm k khoản 3 Điều 6 như sau:

"k) Dép rọ."

3. Bổ sung điểm x khoản 3 Điều 6 như sau:

"x) Quần, áo và giầy công tác trên tàu."

4. Điểm d Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"d) Quần và áo lễ phục (đông, hè) có màu trắng."

5. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 9. Cấp hiệu Kiểm ngư**

Cấp hiệu Kiểm ngư có nền màu xanh tím than được thiết kế hình thang cân có kích thước cạnh bên dài 130 mm; cạnh đáy lớn nhất dài 50 mm; cạnh đáy nhỏ nhất dài 40 mm; đầu vát nhọn có chiều cao (sỏi nhọn) 16 mm; có viền vàng, độ rộng viền to 05 mm, viền nhỏ 03 mm (cạnh đáy lớn nhất không có viền); trên đầu vát nhọn có đính cúc cấp hiệu đường kính 16 mm, bề mặt của cúc cấp hiệu được dập nổi hoa văn hình hai bông lúa xung quanh và ngôi sao năm cánh ở giữa.

Các cấp hiệu tương ứng với các chức danh được phân biệt bằng sao và vạch. Sao to có đường kính 24 mm, sao nhỏ có đường kính 21 mm; vạch có màu vàng hoặc màu hồng, chiều rộng của vạch là 05 mm, khoảng cách giữa các vạch là 05 mm, cụ thể như sau:

1. Cấp hiệu chức danh lãnh đạo

a) Cục trưởng: Viền to, 02 (hai) sao to, không có vạch;

b) Phó Cục trưởng: Viền to, 01 (một) sao to, không có vạch;

c) Trưởng phòng thuộc Cục, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư Vùng, Chi đội trưởng Chi đội Kiểm ngư và các chức danh tương đương: Viền nhỏ, 04 (bốn) sao nhỏ và 02 (hai) vạch dọc màu vàng;

d) Phó Trưởng phòng thuộc Cục, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư Vùng, Phó Chi đội trưởng Chi đội Kiểm ngư và các chức danh tương đương: Viền nhỏ, 03 (ba) sao nhỏ và 02 (hai) vạch dọc màu vàng;

đ) Trưởng phòng thuộc Chi cục Kiểm ngư Vùng, Trạm trưởng Trạm kiểm ngư, Đội trưởng Đội tàu và các chức danh tương đương: Viền nhỏ, 02 (hai) sao nhỏ và 02 (hai) vạch dọc màu vàng;

e) Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục Kiểm ngư Vùng, Phó Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư, Phó Đội trưởng Đội tàu và các chức danh tương đương: Viền nhỏ, 01 (một) sao nhỏ và 02 (hai) vạch dọc màu vàng.

2. Cấp hiệu theo ngạch Kiểm ngư

a) Kiểm ngư viên chính: Viền nhỏ, 04 (bốn) sao nhỏ và 01 (một) vạch dọc màu vàng;

b) Kiểm ngư viên: Viền nhỏ, 03 (ba) sao nhỏ và 01 (một) vạch dọc màu vàng;

c) Kiểm ngư viên trung cấp: Viền nhỏ, 02 (hai) sao nhỏ và 01 (một) vạch dọc màu vàng.

3. Cấp hiệu Thuyền viên tàu Kiểm ngư

a) Thuyền trưởng: Viền nhỏ, 01 (một) sao nhỏ, 02 vạch dọc màu hồng;

b) Thuyền phó, Máy trưởng: Viền nhỏ, 04 (bốn) sao nhỏ, 01 vạch dọc màu hồng;

c) Máy phó, thủy thủ trưởng, điện trưởng: Viền nhỏ, 03 (ba) sao nhỏ, 01 vạch dọc màu hồng;

d) Thủy thủ; thợ máy; thợ điện; thông tin liên lạc; quản lý, sử dụng vũ khí: Viền nhỏ, 02 (hai) sao nhỏ, 01 vạch dọc màu hồng;

đ) Nhân viên y tế, nhân viên cấp dưỡng: Viền nhỏ, 01 (một) sao nhỏ, 01 vạch dọc màu hồng.

4. Mẫu Cấp hiệu Kiểm ngư theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này."

6. Khoản 1, khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Mũ kê pi: Có màu ghi sẫm, được thiết kế kiểu lưỡi trai liền với thành mũ, 2/3 phía sau được gập dựng theo thành mũ, 1/3 phía lưỡi trai phía trước tạo dáng; đỉnh mũ hình ô van; mũ có vành cong, trán mũ, cầu mũ và đỉnh mũ được sử dụng cùng một loại vải; cầu mũ có thêu chữ in hoa: "KIỂM NGƯ VIỆT NAM" màu vàng, chiều cao 12 mm; lưỡi trai mũ được làm bằng nhựa cứng, bọc da màu đen bóng, phía trước lưỡi trai được gắn cành tùng màu vàng (cấp lãnh đạo Cục gắn cành tùng lớn hơn so với cành tùng của nhân viên) và dây trang trí được tết bằng sợi màu vàng nhạt gắn cố định bằng hai chốt kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi vào hai bên cầu mũ.

2. Mũ lễ phục: Có màu trắng, quy cách tương tự mũ kê pi."

7. Khoản 5, khoản 6 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"5. Mũ chống va đập: Có màu ghi, là loại mũ bảo hiểm che đầu, sau gáy và tai, trước mũ có kính chắn gió. Cốt mũ bằng nhựa, bên trong có lớp xốp giảm chấn, mút xốp ốp hai vành tai, quai cố định mũ.

6. Mẫu thiết kế mũ kiểm ngư theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này."

8. Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi như sau:

*"*2. Dây lưng: Dây lưng da màu nâu; khóa làm bằng kim loại màu trắng, chiều rộng bản là 36 mm, chiều dài bản 52 mm; giữa bản khóa có "Biểu trưng Kiểm ngư."

9. Khoản 8 Điều 12 được sửa đổi như sau:

"8. Chăn cá nhân, gối cá nhân: Màu ghi sẫm."

10. Sửa đổi khoản 10 và bổ sung khoản 11, 12, 13, 14 Điều 12 như sau:

"10. Quần, áo công tác trên tàu: Có màu ghi sẫm, quy cách như sau:

Áo công tác trên tàu: kiểu dáng áo bu dông (bo đai) dài tay có măng séc, áo có hai túi hộp trước ngực kích thước 140 mm x 160 mm, gấu áo có chun, vai áo may trần hai lớp, có hai quai để đeo cấp hiệu, bên phải tay áo có một túi hộp kích thước 60 mm x 90 mm may cách mép đường chỉ bờ vai 50 mm, bên trái tay áo gắn phù điêu Kiểm ngư, khủy tay áo may trần hai lớp.

Quần công tác trên tàu: May rộng, có hai túi phía sau may nổi, gấu quần cài khuy nhồi, đầu gối may trần hai lớp, có một túi hộp kích thước 150 mm x 170 mm bên trái ống quần ở giữa cạp quần và đầu gối.

11. Quần, áo bảo hộ lao động: Có màu ghi sáng, quy cách như sau:

Áo bảo hộ lao động: Kiểu dáng áo bu dông (bo đai) dài tay, có 02 (hai) túi ngực kiểu túi hộp; tay phải có túi ốp nhỏ, tay áo bên trái gắn phù điêu Kiểm ngư; phía trên túi áo bên trái có thêu tên và chức danh màu vàng.

Quần bảo hộ lao động: Kiểu dáng quần âu, có 02 (hai) túi chéo ốp nổi; hai túi ốp sau có nắp, cạp quần có chun điều chỉnh.

12. Dép rọ: Có màu nâu đỏ.

13. Giầy công tác trên tàu có màu đen, cao cổ kiểu bốt đơ xô.

14. Mẫu thiết kế các trang bị khác theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này."

11. Điều 13 sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 13. Tiêu chuẩn, niên hạn trang bị, cấp phát

1. Trang phục thường dùng theo quy định tại Mục 1, Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trang phục tăng thêm: Ngoài trang phục thường dùng, lực lượng thường xuyên hoạt động trên tàu Kiểm ngư, đối tượng làm việc trên bờ tại các Trạm Kiểm ngư và Chi đội Kiểm ngư được hưởng trang phục tăng thêm theo quy định tại Mục 2, Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Cục trưởng Cục Kiểm ngư quyết định trang bị, cấp phát trang phục cho lực lượng Kiểm ngư."

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 7 năm 2016.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Văn Tám

Phụ lục I
MẪU THẺ KIỂM NGƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mặt trước

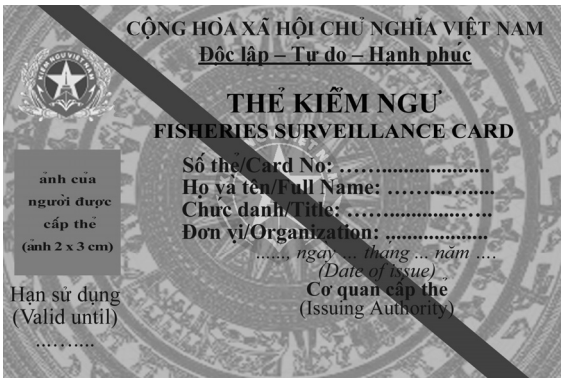

Mặt sau

Phụ lục II
MẪU CẤP HIỆU KIỂM NGƯ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Các cấp hiệu chức danh lãnh đạo

Cục trưởng

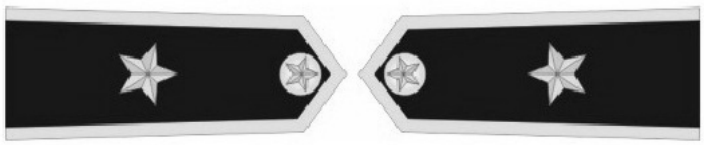

Phó Cục trưởng

Trưởng phòng thuộc Cục, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư Vùng,
Chi đội trưởng Chi đội Kiểm ngư và các chức danh tương đương

Phó Trưởng phòng thuộc Cục, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư Vùng,
Phó Chi đội trưởng Chi đội Kiểm ngư và các chức danh tương đương

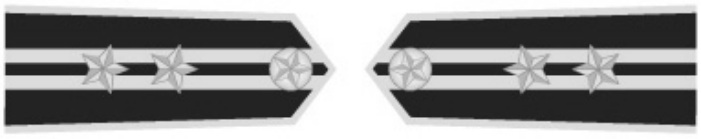

Trưởng phòng thuộc Chi cục Vùng, Trạm trưởng Trạm kiểm ngư,
Đội trưởng đội tàu và các chức danh tương đương

Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục Vùng, Phó Trạm trưởng Trạm kiểm ngư, Phó Đội trưởng đội tàu và các chức danh tương đương

2. Các cấp hiệu theo ngạch Kiểm ngư

Kiểm ngư viên chính

Kiểm ngư viên

Kiểm ngư viên trung cấp

3. Các cấp hiệu Thuyền viên tàu Kiểm ngư

Thuyền trưởng

Thuyền phó, máy trưởng

Máy phó, thủy thủ trưởng, điện trưởng

Thủy thủ; thợ máy; thợ điện; thông tin liên lạc; quản lý, sử dụng vũ khí

Nhân viên y tế, nhân viên cấp dưỡng

Phụ lục III

MẪU THIẾT KẾ MŨ KIỂM NGƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mũ kê pi

Mũ lễ phục

Mũ mềm nam

Mũ mềm nữ

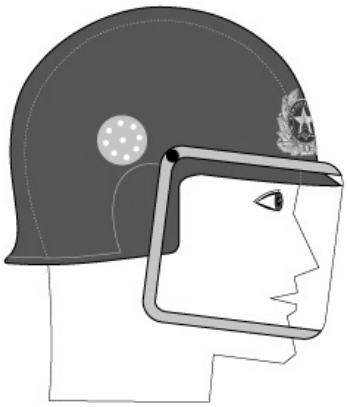

Mũ chống va đập

Phụ lục IV

MẪU THIẾT KẾ CÁC TRANG BỊ KHÁC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Cặp công tác

Caravat

Dây lưng

Giầy công tác trên tàu

bít tất

Giầy da nữ

Giầy da nam

Quần, áo bảo hộ lao động

áo phao cá nhân

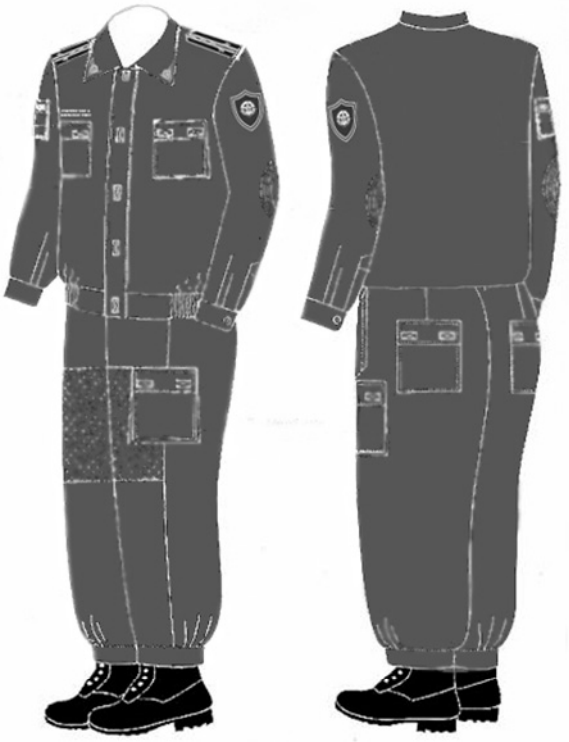

Quần, áo công tác trên tàu

Va li kéo

Bộ quần, áo mưa

Phụ lục V

TIÊU CHUẨN, NIÊN HẠN TRANG BỊ, CẤP PHÁT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Trang phục thường dùng và trang cấp

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn	Ghi chú
1	Quần, áo (đông/hè)	Bộ	1	1	
2	Lễ phục đông	Bộ	1	5	
3	Lễ phục hè	Bộ	1	5	
4	Áo giao mùa	Cái	1	2	
5	Áo ấm mùa đông	Cái	1	2	
6	Juyp nữ	Cái	1	1	
7	Quần, áo lót ngắn tay	Bộ	2	1	Trả bằng tiền mặt
8	Áo lót dài tay	Cái	1	2	
9	Mũ kê pi	Cái	1	3	
10	Mũ mềm	Cái	1	3	
11	Mũ chống va đập	Cái	1	3	
12	Mũ lễ phục	Cái	1	5	
13	Kiểm ngư hiệu	Cái	2	3	- Đường kính 36 mm cho mũ Kêpi - Đường kính 28 mm cho mũ mềm
14	Cấp hiệu	Đôi	1	3	
15	Biển tên	Cái	2	3	
16	Phù hiệu ve áo	Đôi	2	3	
17	Quần, áo mưa	Bộ	1	2	
18	Caravat	Cái	1	2	
19	Dây lưng	Cái	1	2	
20	Giầy da	Đôi	1	1	
21	Dép rọ	Đôi	2	1	
22	Bít tất	Đôi	2	1	
23	Cặp công tác	Cái	1	3	
24	Sổ công tác	Cái	1	1	
25	Va ly kéo	Cái	1	4	

Ghi chú:

- Một bộ trang phục mùa đông gồm: 01 quần, 01 áo mùa đông và 01 áo sơ mi dài tay;

- Một bộ trang phục mùa hè gồm: 02 quần, 01 áo sơ mi ngắn tay hoặc 01 quần và 02 áo sơ mi ngắn tay.

- Trang cấp lần đầu gồm: 02 bộ trang phục mùa đông, 02 bộ trang phục mùa hè, 02 áo giao mùa, 01 bộ lễ phục mùa đông, 01 bộ lễ phục mùa hè và đồng bộ các loại trang bị khác theo quy định.

- Đối với lực lượng Kiểm ngư có trụ sở tại các tỉnh, thành phố phía Nam tùy theo điều kiện cụ thể có thể xem xét, chuyển đổi trang phục mùa đông thành trang phục mùa hè cho phù hợp với điều kiện thời tiết.

2. Trang phục tăng thêm đối với lực lượng thường xuyên hoạt động trên tàu Kiểm ngư và đối tượng làm việc trên bờ tại các Trạm Kiểm ngư và Chi đội Kiểm ngư

TT	Tên trang phục	Đơn vị Tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn	Ghi chú
1	Quần, áo công tác trên tàu	Bộ	1	1	
2	Giầy công tác trên tàu	Đôi	1	1	
3	Chăn cá nhân	Cái	1	3	
4	Màn tuyn cá nhân	Cái	1	3	
5	Khăn mặt	Cái	4	1	
6	Chiếu cá nhân	Cái	1	1	
7	Gối cá nhân	Cái	1	3	
8	Ga trải giường	Cái	1	2	
9	Găng tay vải	Đôi	2	1	Không áp dụng với đối tượng làm việc trên bờ tại các Trạm Kiểm ngư và Chi đội Kiểm ngư
10	Quần, áo bảo hộ lao động	Bộ	1	1	
11	Khẩu trang	Cái	4	1	